

Số: **1350**/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **15** tháng **8** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Minh Hồng (để biết);
- Thứ trưởng Phạm Hồng Hải;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính-Văn phòng Chính phủ;
- Sở TT&TT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Công Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, PC, CVT, NVC (76).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Hồng Hải

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1350**QĐ-BTTTT ngày **15** tháng **8** năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BTT- 228041- TT	Kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng	Thông tư số 14/2017/TT- BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 18/2011/TT- BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng	Viễn thông	Cục Viễn thông

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng

Trình tự thực hiện:	<ul style="list-style-type: none">- Chuẩn bị và nộp hồ sơ: Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị kiểm định về trụ sở của Tổ chức kiểm định trực thuộc Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông.- Nộp phí kiểm định: Tổ chức, doanh nghiệp phải nộp phí kiểm định cho Tổ chức kiểm định trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tổ chức kiểm định thông báo phí kiểm định.- Thực hiện kiểm định: Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đề nghị kiểm định và nộp phí kiểm định, Tổ chức kiểm định phối hợp với tổ chức, doanh nghiệp thực hiện kiểm định theo quy trình để cấp Giấy chứng nhận kiểm định.- Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tổ chức kiểm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ những điểm chưa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và gửi cho tổ chức để có biện pháp khắc phục. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có thông báo của Tổ chức kiểm định, tổ chức phải khắc phục những điểm chưa phù hợp và thực hiện lại thủ tục kiểm định như kiểm định lần đầu.
Cách thức thực hiện:	<ul style="list-style-type: none">- Nộp trực tiếp tại trụ sở các Tổ chức kiểm định trực thuộc Cục Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông- Thông qua hệ thống bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>1. Thành phần hồ sơ đề nghị kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn đề nghị kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng;- Báo cáo về sự thay đổi của thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (đối với trường hợp kiểm định

	<p>bất thường quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Thông tư 16/2011/TT-BTTTT ngày 30/6/2011)</p> <p>- Các tài liệu mô tả sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn lắp đặt (trong trường hợp chủng loại thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đề nghị kiểm định lần đầu tiên).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và phí kiểm định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy chứng nhận kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng
Phí, lệ phí (nếu có):	<i>Mức thu phí kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng là 2.500.000 đồng/lần</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục):	<i>Đơn đề nghị kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (Phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 14/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	<i>Tổ chức, doanh nghiệp phải nộp phí kiểm định cho Tổ chức kiểm định trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tổ chức kiểm định thông báo phí kiểm định.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009; - Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; - Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công

	<p>nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 16/2011/TT-BTTTT ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về kiểm định thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện; - Thông tư số 17/2011/TT-BTTTT ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định; - Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng; - Thông tư số 12/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 17/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định; - Thông tư số 14/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 18/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng; - Thông tư số 184/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện.
--	--

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG**

(DOANH NGHIỆP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH
TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG**

Kính gửi: (Tổ chức Kiểm định)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị kiểm định:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
2. Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
3. Đề nghị kiểm định cho trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (như danh sách kèm theo).
4. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 8: 2010/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.
5. Hồ sơ kèm theo bao gồm:
 - a) Báo cáo về sự thay đổi của trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (trong trường hợp kiểm định bất thường).
 - b) Tài liệu mô tả sản phẩm, hướng dẫn sử dụng của trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (trong trường hợp chủng loại thiết bị trạm gốc đề nghị kiểm định lần đầu tiên).

(Doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH SÁCH CÁC TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Đơn đề nghị kiểm định số ngày tháng năm)

STT	Địa điểm lắp đặt	Tỉnh /TP	Toạ độ (1)	Doanh nghiệp (2)	Số lượng trạm gốc (3)	Mã trạm gốc	Chủng loại thiết bị phát (4)	Số máy phát, thu-phát hoặc số sóng mang (5)	Tổng công suất phát từng anten (6)	Số anten phát (7)	Băng tần hoạt động (8)	Chủng loại anten	Độ cao anten (9)	Góc ngảng tổng cộng (10)	Chủng loại jumper (hoặc kích thước ngang)	Chủng loại feeder (hoặc kích thước ngang)	Chủng loại Connector	Thành phần suy hao khác	Độ cao công trình xây dựng (11)	Ghi chú (12)
1																				
2																				

Ghi chú:

- (1) – Toạ độ: kinh độ, vĩ độ nơi lắp đặt trạm gốc
- (2) – Trường hợp các trạm gốc của các doanh nghiệp khác nhau lắp đặt trên cùng 1 cột anten hoặc tại cùng vị trí thì ghi đầy đủ tên các doanh nghiệp
- (3) – Số lượng trạm gốc lắp đặt trên cùng một cột anten hoặc tại cùng vị trí của từng doanh nghiệp
- (4) – Chủng loại thiết bị phát sóng vô tuyến của từng trạm gốc. Ví dụ: ALCATEL EVOLIUM A9100
- (5) – Tổng số máy phát tín hiệu đến từng anten hoặc số sóng mang của từng trạm gốc. Trường hợp có nhiều anten hoặc số sóng mang thì số máy phát đến từng anten cách nhau bằng dấu “/”. Ví dụ: 2/2/2
- (6) – Tổng công suất phát từng anten (W) của toàn bộ các trạm gốc: tổng công suất cực đại của tất cả các máy phát đến trước feeder/jumper dẫn tín hiệu lên từng anten. Trường hợp có nhiều anten thì ghi công suất phát đến từng anten cách nhau bằng dấu “/”. Ví dụ: 71,49W/71,49W/71,49W
- (7) – Tổng số anten phát sóng của từng trạm gốc. Ví dụ: 3
- (8) – Băng tần hoạt động của từng trạm gốc (MHz). Ví dụ: 900 MHz, 1800 MHz, ...
- (9) – Độ cao từng anten của tất cả trạm gốc tính từ mặt đất đến mép dưới của mỗi anten.
- (10) – Góc ngảng tổng cộng từng anten của tất cả trạm gốc: tổng góc ngảng cơ và điện.
- (11) – Độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng (trong đó có người sinh sống, làm việc) trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc đó. Trường hợp không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc thì bỏ trống.
- (12) – Ghi tương ứng là 1 – kiểm định lần đầu; 2 – kiểm định định kỳ; 3 – kiểm định bất thường; 4 – kiểm định cho các trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” và đã được công bố nhưng sau đó có sự thay đổi trở thành trạm gốc thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”.